Mô hình Use case QUẢN LÝ NHÀ HÀNG

Version 1.0

Sinh viên thực hiện:

1612800-Nguyễn Sĩ Văn

1612785-Đặng Thanh Tuấn

**Bảng ghi nhận thay đổi tài liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngày** | **Phiên bản** | **Mô tả** | **Người thay đổi** |
| 27/03/2019 | 1.0 | Use case quản lý nhà hàng | 1612800,1612785 |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục lục

[1. Sơ đồ Use-case 4](#_Toc5029157)

[2. Danh sách các Actor 5](#_Toc5029158)

[3. Danh sách các Use-case 5](#_Toc5029159)

[4. Đặc tả Use-case 6](#_Toc5029160)

[4.1 Đặc tả Use-case Đăng nhập 6](#_Toc5029161)

[4.2 Đặc tả Use-case Quản lý bàn 6](#_Toc5029162)

[4.3 Đặc tả Use-case Lập báo cáo 8](#_Toc5029163)

[4.4 Đặc tả Use-case Quản lý thực đơn 9](#_Toc5029164)

[4.5 Đặc tả Use-case Quản lý tài khoản 10](#_Toc5029165)

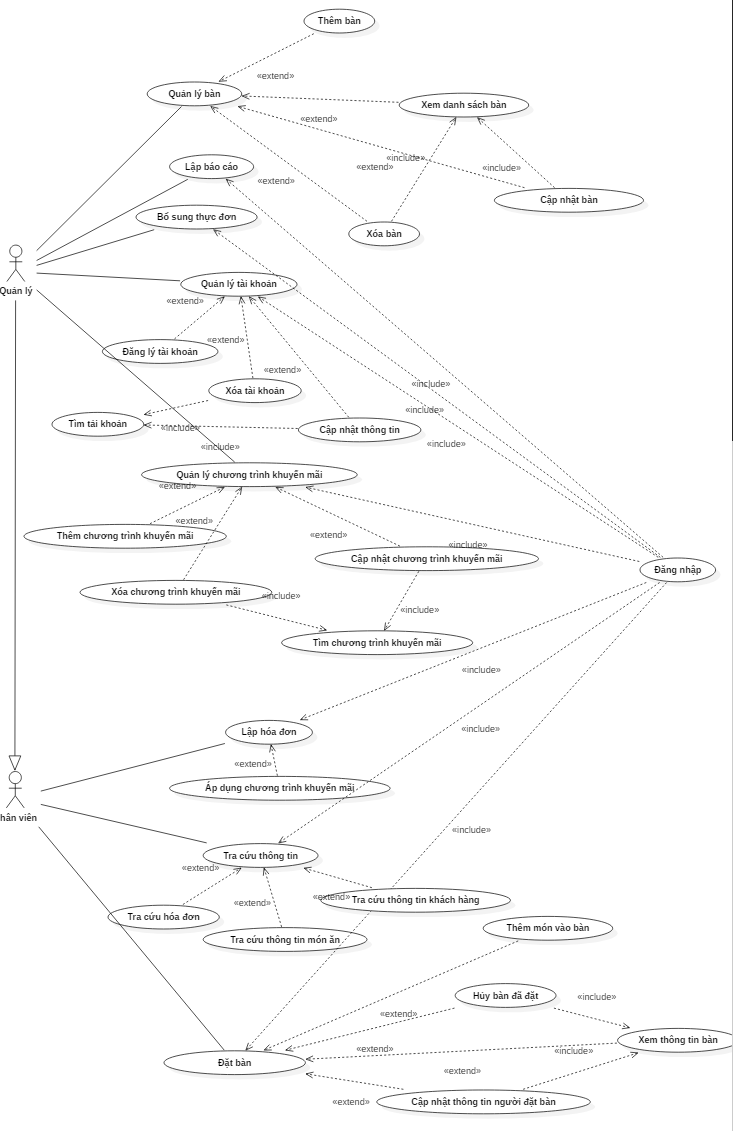
[4.6 Đặc tả Use-case Quản lý chương trình khuyến mãi 11](#_Toc5029166)

[4.7 Đặc tả Use-case Lập hóa đơn 12](#_Toc5029167)

[4.8 Đặc tả Use-case Tra cứu thông tin 13](#_Toc5029168)

[4.9 Đặc tả Use-case Đặt bàn 14](#_Toc5029169)

# Sơ đồ Use-case



# Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Nhân viên | Nhân viên bán hàng, được phân quyền sử dụng một số chức năng nhất định. |
| 2 | Quản lý | Được phép sử dụng mọi chức năng. |

# Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Quản lý bàn | Hiển thị các tùy chọn: thêm bàn, xem danh sách bàn, xóa bàn, cập nhật bàn |
| 2 | Thêm bàn | Thêm bàn mới mới vào danh sách bàn hiện có |
| 3 | Xem danh sách bàn | Hiển thị danh sách các bàn hiện có |
| 4 | Xóa bàn | Xóa bàn khỏi danh sách bàn hiện có |
| 5 | Cập nhật bàn | Cập nhật thông tin bàn hiện có |
| 6 | Lập báo cáo | Lập báo cáo doanh thu theo thời gian |
| 7 | Quản lý thực đơn | Thêm, xóa, chỉnh sửa danh sách món ăn |
| 8 | Quản lý tài khoản | Hiển thị các tùy chọn: đăng ký tài khoản, xóa tài khoản, cập nhật thông tin tài khoản |
| 9 | Đăng ký tài khoản | Đăng ký tài khoản mới, thêm và lưu trữ |
| 10 | Xóa tài khoản | Xóa tài khoản đã có |
| 11 | Cập nhật thông tin tài khoản | Cập nhật thông tin tài khoản đã có |
| 12 | Quản lý chương trình khuyến mãi | Hiển thị các tùy chọn: thêm chương trình khuyến mãi, thêm chương trình khuyến mãi, xóa chương trình khuyến mãi |
| 13 | Thêm chương trình khuyến mãi | Thêm mã khuyến mãi mới |
| 14 | Xóa chương trình khuyến mãi | Xóa mã khuyến mãi cũ |
| 15 | Cập nhật chương trình khuyến mãi | Cập nhật thông tin khuyến mãi |
| 16 | Lập hóa đơn | Lập hóa đơn thanh toán |
| 17 | Áp dụng chương trình khuyến mãi | Áp dụng chương trình khuyến mãi vào hóa đơn |
| 18 | Tra cứu thông tin | Hiển thị các tùy chọn: tra cứu thông tin hóa đơn, tra cứu thông tin món ăn |
| 19 | Tra cứu hóa đơn | Tra cứu thông tin hóa đơn |
| 20 | Tra cứu thông tin khách hàng | Tra cứu thông tin khách hàng |
| 21 | Tra cứu thông tin món ăn | Tra cứu thông tin món ăn |
| 22 | Xem thông tin bàn | Hiển thị các tùy chọn: thêm món vào bàn, đặt bàn, hủy bàn đã đặt, cập nhật thông tin người đặt |
| 23 | Thêm món vào bàn | Thêm món ăn vào bàn có khách |
| 24 | Đặt bàn | Chuyển trạng thái bàn từ trống sang chờ khách và cập nhật thông tin khách hàng |
| 25 | Hủy bàn đã đặt | Hủy bàn đã được khách đặt trước |
| 26 | Cập nhật thông tin người đặt bàn | Cập nhật thông tin người đặt bàn |
| 27 | Đăng nhập | Cho phép người dùng sử dụng các chức năng của app sau khi đăng nhập thành công |

# Đặc tả Use-case

## Đặc tả Use-case Đăng nhập

### Tóm tắt

Người dùng: quản lý và nhân viên.

Các chức năng: thực hiện chức năng đăng nhập.

Ý nghĩa: Cho phép người dùng sử dụng các chức năng của app sau khi đăng nhập thành công.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

Người dùng mở ứng dụng lên.

Hệ thống hiển thị bàn hình đăng nhập.

Người dùng nhập username và password.

Hệ thống kiểm tra username và password và cho phép người dùng sử dụng các chức năng của ứng dụng.

#### Các dòng sự kiện khác

Nếu người dùng nhập sai username và password, xuất hiện thông báo và cho phép người dùng thực hiện lại chức năng đăng nhập.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

*Mô tả rõ điều kiện trước khi bắt đầu thực hiện Use-case (ví dụ có đòi hỏi người sử dụng phải đăng nhập thành công trước đó hay không…)*

Không yêu cầu.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Đăng nhập thành công: chuyển sang màn hình chính.

Đăng nhập không thành công: ở lại màn hình đăng nhập.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Quản lý bàn

### Tóm tắt

Người dùng: quản lý.

Các chức năng:

* Thêm bàn
* Xem danh sách bàn
* Xóa bàn
* Cập nhật bàn

Ý nghĩa: cho phép quản lý sử dụng các chức năng quản lý bàn: têm bàn, xóa bàn, xem danh sách bàn, cập nhật bàn.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

Người dùng chọn chức năng quản lý bàn.

Hệ thống hiển thị màn hình quản lý bàn cho phép người dùng thực hiện các chức năng quản lý bàn.

Người dùng chọn một trong 4 chức năng:

1. Thêm bàn:
   1. Người dùng nhập thông tin bàn và chọn nút tạo bàn.
   2. Hệ thống ghi nhận, kiểm tra, tạo bàn mới và thêm vào danh sách bàn
2. Cập nhật thông tin bàn bàn:
   1. Người dùng chọn bàn trong danh sách.
   2. Hệ thống hiển thị thông tin bàn ở phần thông tin bàn
   3. Người dùng sửa thông tin bàn và nhấn nút cập nhật
   4. Hệ thống sẻ kiểm tra và cập nhật thông tin bàn
3. Xóa bàn:
   1. Người dùng chọn bàn từ danh sách bàn
   2. Hệ thống hiển thị thông tin bàn ở phần thông tin bàn.
   3. Người dùng nhấn nút xóa bàn
   4. Hệ thống sẻ xóa bàn khỏi danh sách bàn
4. Xem danh sách bàn:
   1. Hệ thống hiển thị danh sách bàn gồm có thông tin chung của tất cả các bàn

#### Các dòng sự kiện khác

Nếu người dùng nhấn nút trờ về thì hệ thống sẻ hiển thị màn hình chính hoặc màn hình làm việc trước đó.

Nếu hệ thống kiểm tra thông tin người dùng nhập vào không hợp lệ thì thông báo yêu cầu người dùng nhập lại.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Yêu cầu phải đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Thực hiện thành công: cập nhật danh sách bàn.

Thực hiện chức năng không thành công: ở lại màn hình quản lý bàn.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Lập báo cáo

### Tóm tắt

Người dùng: quản lý.

Ý nghĩa: xuất báo cáo theo yêu cầu cụ thể dưới dạng xem trực tiếp hoặc ra file .pdf.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

Người dùng chọn chức năng lập báo cáo.

Hệ thống hiển thị các tùy chọn báo cáo gồm: thời gian, thuộc tính (doanh thu, lợi nhuận,…)

Sau khi xác nhận các tùy chọn, hệ thống xuất ra màn hình báo cáo.

Người dùng chọn xuất ra file .pdf, hệ thống xuất ra file .pdf.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Yêu cầu phải đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Thực hiện thành công: hiển thị báo cáo.

Thực hiện chức năng không thành công: thông báo lỗi vào yêu cầu người dùng thử lại.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Quản lý thực đơn

### Tóm tắt

Người dùng: quản lý.

Các chức năng:

* Thêm món
* Xóa món
* Cập nhật món

Ý nghĩa: cho phép quản lý sử dụng các chức năng quản lý bàn: thêm món mới, xóa món, cập nhật món.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

Người dùng chọn chức năng quản lý thực đơn.

Hệ thống hiển thị màn hình quản lý thực đơn cho phép người dùng thực hiện các chức năng quản lý thực đơn.

Người dùng chọn một trong 3 chức năng:

1. Thêm món:
   1. Người dùng nhập thông tin món và chọn nút thêm món.
   2. Hệ thống ghi nhận, kiểm tra, thêm món mới vào danh sách món.
2. Cập nhật thông tin món:
   1. Người dùng chọn món trong danh sách món.
   2. Hệ thống hiển thị thông tin món ở phần thông tin món
   3. Người dùng sửa thông tin món và nhấn nút cập nhật
   4. Hệ thống sẻ kiểm tra và cập nhật thông tin bàn
3. Xóa món:
   1. Người dùng chọn món từ danh sách món
   2. Hệ thống hiển thị thông tin món ở phần thông tin món.
   3. Người dùng nhấn nút xóa món
   4. Hệ thống sẻ xóa món khỏi danh sách món

#### Các dòng sự kiện khác

Nếu người dùng nhấn nút trờ về thì hệ thống sẻ hiển thị màn hình chính hoặc màn hình làm việc trước đó.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Yêu cầu phải đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Thực hiện thành công: cập nhật danh sách món.

Thực hiện chức năng không thành công: ở lại màn hình quản lý thực đơn và cho phép người dùng thử lại..

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Quản lý tài khoản

### Tóm tắt

Người dùng: quản lý.

Các chức năng:

* Thêm tài khoản
* Xóa tài khoản
* Cập nhật tài khoản

Ý nghĩa: cho phép quản lý sử dụng các chức năng quản lý bàn: thêm tài khoản mới, xóa tài khoản, cập nhật tài khoản.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

Người dùng chọn chức năng quản lý tài khoản.

Hệ thống hiển thị màn hình quản lý tài khoản cho phép người dùng thực hiện các chức năng quản lý tài khoản.

Người dùng chọn một trong 3 chức năng:

1. Thêm tài khoản:
   1. Người dùng nhập thông tin cần thiết và chọn nút tạo tài khoản.
   2. Hệ thống ghi nhận, kiểm tra, thêm tài khoản vào cơ sở dữ liệu.
2. Cập nhật tài khoản:
   1. Người dùng tìm kiếm tài khoản.
   2. Hệ thống hiển thị tài khoản cần tìm
   3. Người dùng sửa thông tin tài khoản và nhấn nút cập nhật
   4. Hệ thống sẻ kiểm tra và cập nhật thông tin tài khoản
3. Xóa tài khoản:
   1. Người dùng tìm kiếm tài khoản
   2. Hệ thống hiển thị tài khoản cần tìm
   3. Người dùng nhấn nút xóa tài khoản
   4. Hệ thống sẻ xóa tài khoản khỏi cơ sở dữ liệu

#### Các dòng sự kiện khác

Nếu người dùng nhấn nút trờ về thì hệ thống sẻ hiển thị màn hình chính hoặc màn hình làm việc trước đó.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Yêu cầu phải đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Thực hiện thành công: cập nhật dữ liệu tài khoản trong cơ sở dữ liệu.

Thực hiện chức năng không thành công: ở lại màn hình quản lý tài khoản và cho phép người dùng thử lại.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Quản lý chương trình khuyến mãi

### Tóm tắt

Người dùng: quản lý.

Các chức năng:

* Thêm chương trình khuyến mãi
* Xóa chương trình khuyến mãi
* Cập nhật chương trình khuyến mãi

Ý nghĩa: cho phép quản lý sử dụng các chức năng quản lý chương trình khuyến mãi: thêm chương trình khuyến mãi mới, xóa chương trình khuyến mãi, cập nhật chương trình khuyến mãi.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

Người dùng chọn chức năng quản lý chương trình khuyến mãi.

Hệ thống hiển thị màn hình quản lý chương trình khuyến mãi cho phép người dùng thực hiện các chức năng quản lý chương trình khuyến mãi.

Người dùng chọn một trong 3 chức năng:

1. Thêm chương trình khuyến mãi:
   1. Người dùng nhập thông tin cần thiết và chọn nút thêm chương trình khuyến mãi.
   2. Hệ thống ghi nhận, kiểm tra, thêm chương trình khuyến mãi vào cơ sở dữ liệu.
2. Cập nhật chương trình khuyến mãi:
   1. Người dùng tìm kiếm chương trình khuyến mãi.
   2. Hệ thống hiển thị chương trình khuyến mãi cần tìm
   3. Người dùng sửa thông tin chương trình khuyến mãi và nhấn nút cập nhật
   4. Hệ thống sẻ kiểm tra và cập nhật thông tin tài khoản
3. Xóa chương trình khuyến mãi:
   1. Người dùng tìm kiếm chương trình khuyến mãi
   2. Hệ thống hiển thị chương trình khuyến mãi cần tìm
   3. Người dùng nhấn nút xóa chương trình khuyến mãi
   4. Hệ thống sẻ xóa chương trình khuyến mãi khỏi cơ sở dữ liệu

#### Các dòng sự kiện khác

Nếu người dùng nhấn nút trờ về thì hệ thống sẻ hiển thị màn hình chính hoặc màn hình làm việc trước đó.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Yêu cầu phải đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Thực hiện thành công: cập nhật dữ liệu chương trình khuyến mãi trong cơ sở dữ liệu.

Thực hiện chức năng không thành công: ở lại màn hình quản lý tài khoản và cho phép người dùng thử lại.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Lập hóa đơn

### Tóm tắt

Người dùng: quản lý, nhân viên

Ý nghĩa: Lập hóa đơn cho khách và lưu trữ tại cơ sở dữ liệu

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

Người dùng chọn chức năng lập hóa đơn.

Hệ thống hiển thị danh sách các bàn hiện đang phục vụ khách.

Người dùng chọn một bàn.

Hệ thống hiển thị thông tin của bàn đó bao gồm thông tin bàn, thông tin khách, danh sách món ăn, số lượng, giá từng món, tổng tiền tạm tính.

Người dùng chọn xuất hóa đơn để lập hóa đơn thanh toán cho khách hàng.

#### Các dòng sự kiện khác

Không có.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Yêu cầu phải đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Thực hiện thành công: hiển thị thông báo thanh toán thành công.

Thực hiện chức năng không thành công: thông báo lỗi vào yêu cầu người dùng thử lại.

### Điểm mở rộng

Trước khi lập hóa đơn nhân viên có thể nhập mã khuyến mãi nếu có, hệ thống tự động kiểm tra và áp dụng nếu mã hợp lệ.

## Đặc tả Use-case Tra cứu thông tin

### Tóm tắt

Người dùng: quản lý.

Các chức năng:

* Tra cứu hóa đơn
* Tra cứu thông tin món ăn
* Tra cứu thông tin khách hàng

Ý nghĩa: cho phép quản lý sử dụng các chức năng quản lý bàn: thêm món mới, xóa món, cập nhật món.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

Người dùng chọn chức năng Tra cứu thông tin.

Hệ thống hiển thị màn hình Tra cứu thông tin cho phép người dùng thực hiện các chức năng Tra cứu thông tin.

Người dùng chọn một trong 3 chức năng:

1. Tra cứu hóa đơn:
   1. Người dùng nhập thông tin hóa đơn và chọn nút tìm kiếm.
   2. Hệ thống kiểm tra, hiển thị kết quả lên màn hình.
2. Tra cứu thông tin món:
   1. Người dùng nhập thông tin món và chọn nút tìm kiếm.
   2. Hệ thống kiểm tra, hiển thị kết quả lên màn hình.
3. Tra cứu khách hàng:
   1. Người dùng nhập thông tin khách hàng và chọn nút tìm kiếm.
   2. Hệ thống kiểm tra, hiển thị kết quả lên màn hình.

#### Các dòng sự kiện khác

Nếu người dùng nhấn nút trờ về thì hệ thống sẻ hiển thị màn hình chính hoặc màn hình làm việc trước đó.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Yêu cầu phải đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Thực hiện thành công: hiển thị danh sách kết quả cần tìm.

Thực hiện chức năng không thành công: thông báo lỗi vào yêu cầu người dùng thử lại.

### Điểm mở rộng

Không có.

## Đặc tả Use-case Đặt bàn

### Tóm tắt

Người dùng: quản lý, nhân viên

Các chức năng:

* Xem thông tin bàn
* Thêm món vào bàn
* Xóa món khỏi bàn
* Hủy đặt bàn
* Chỉnh sửa thông tin người đặt bàn

Ý nghĩa: cho phép quản lý sử dụng các chức năng quản lý bàn: thêm món vào bàn, xóa món khỏi bàn, xem thông tin bàn, hủy đặt bàn, chỉnh sửa thông tin người đặt bàn.

### Dòng sự kiện

#### Dòng sự kiện chính

Người dùng chọn chức năng Đặt bàn

Hệ thống hiển thị danh sách các bàn hiện có cho phép người dùng thực hiện các chức năng thêm món vào bàn, xóa món khỏi bàn, xem thông tin bàn, hủy đặt bàn, chỉnh sửa thông tin người đặt bàn.

Người dùng chọn một trong 4 chức năng:

1. Thêm món vào bàn:
   1. Người dùng chọn bàn từ danh sách bàn.
   2. Người dùng chọn món từ danh sách món.
   3. Người dùng chọn số lượng.
   4. Người dùng bấm nút thêm vào bàn.
   5. Hệ thống kiểm tra, lưu lại và hiển thị kết quả lên màn hình.
2. Xóa món:
   1. Người dùng chọn bàn từ danh sách bàn.
   2. Hệ thống hiện ra các món của bàn đó.
   3. Người dùng chọn 1 món.
   4. Người dùng bấm giảm số lượng để xóa món.
   5. Người dùng bấm vào nút xác nhận.
   6. Hệ thống kiểm tra, hiển thị kết quả lên màn hình.
3. Hủy đặt bàn:
   1. Người dùng chọn bàn từ danh sách bàn.
   2. Người dùng bấm nút hủy đặt bàn.
   3. Hệ thống kiểm tra, xác nhận và hiển thị kết quả lên màn hình.

#### Các dòng sự kiện khác

Nếu người dùng nhấn nút trờ về thì hệ thống sẻ hiển thị màn hình chính hoặc màn hình làm việc trước đó.

### Các yêu cầu đặc biệt

Không có

### Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

Yêu cầu phải đăng nhập thành công.

### Trạng thái hệ thống sau khi thực hiện Use-case

Thực hiện thành công: Thông báo thành công và cập nhật cơ sở dữ liệu.

Thực hiện chức năng không thành công: thông báo lỗi vào yêu cầu người dùng thử lại.

### Điểm mở rộng

Không có.